

(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 41: Ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh chủ yếu là do

- A. lao động trình độ kỹ thuật cao, hệ thống sân bay được nâng cấp, hiện đại.
- B. gần cơ sở nguyên liệu, dân đông, cơ sở hạ tầng hoàn thiện, vốn đầu tư lớn.
- C. thu hút lao động từ vùng khác, cơ sở năng lượng ổn định, dân đông.
- D. giáp nhiều vùng kinh tế, nhiều cảng biển lớn, nguồn lao động có trình độ.

Câu 42: Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ của quá trình bóc mòn chủ yếu do

- A. núi đá vôi trải rộng, mưa lớn, tập trung, lớp phủ thực vật bị tàn phá.
- B. bờ biển dài, nhiều đồi núi, sườn dốc, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. chế độ thủy triều phức tạp, vùng biển rộng, khí hậu nóng, mưa mùa.
- D. mức độ chia cắt địa hình lớn, khí hậu nóng ẩm, vỏ phong hóa dày.

Câu 43: Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế chủ yếu là do

- A. giao thông thuận lợi hơn, có nhiều cửa khẩu quốc tế quan trọng.
- B. nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, hạ tầng được cải thiện.
- C. nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm, nhiều đô thị qui mô lớn.
- D. chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước, lao động có trình độ.

Câu 44: Cho bảng số liệu:

0396752282 GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: USD)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Thái Lan	5968,1	6745,5	8001,8	7333,0	7645,3
Phi-lip-pin	3017,5	3134,1	3512,0	3323,6	3552,5

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021?

- A. Thái Lan tăng liên tục qua các năm.
- B. Thái Lan tăng nhanh hơn Phi-lip-pin.
- C. Phi-lip-pin liên tục qua các năm.
- D. Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin.

Câu 45: Vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng nhiều nhất của lũ quét?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 46: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh nhất, nguyên nhân chủ yếu do

- A. nguồn lao động dồi dào, trình độ đã được nâng cao.
- B. chính sách của nhà nước, trình độ phát triển kinh tế.
- C. thị trường tiêu thụ rộng, lao động dồi dào và giá rẻ.
- D. đẩy mạnh công nghiệp hóa, tăng năng suất lao động.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Nam Định.
- B. Thái Bình.
- C. Điện Biên.
- D. Bắc Ninh.

Câu 48: Ý nghĩa chủ yếu của việc xây dựng các cảng nước sâu ở Bắc Trung Bộ là

- A. tăng cường thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.
- B. tăng cường thu hút khách du lịch, nâng cao năng lực vận tải hàng hóa.
- C. thúc đẩy phát triển kinh tế hậu phương cảng, hình thành mạng lưới đô thị.
- D. thúc đẩy phát triển nền kinh tế mở, hình thành các khu kinh tế ven biển.

Câu 49: Hệ thống đảo của nước ta

- A. gồm nhiều đảo, chủ yếu nằm ven bờ.
- B. hầu hết đều là các đảo lớn, đông dân.

- C. duy nhất phát triển hoạt động du lịch.
- D. là nơi tập trung nhiều loại khoáng sản.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây nằm ở ven biển?

- A. Cần Thơ.
- B. Biên Hòa.
- C. Long Xuyên.
- D. Rạch Giá.

Câu 51: Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. tăng trưởng rất chậm.
- B. phân bố đồng đều.
- C. thay đổi tích cực.
- D. còn kém đa dạng.

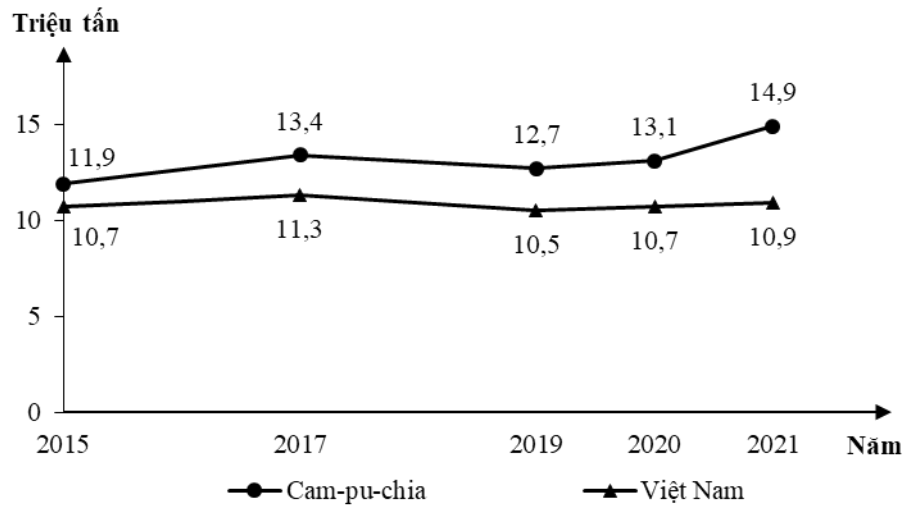
Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có ngành đóng tàu?

- A. Hưng Yên.
- B. Nam Định.
- C. Hải Dương.
- D. Hải Phòng.

Câu 53: Biện pháp để mở rộng diện tích rừng ở nước ta là

- A. trồng cây theo băng.
- B. tích cực trồng mới.
- C. cải tạo đất hoang.
- D. làm ruộng bậc thang.

Câu 54: Cho biểu đồ:



0396752282

0396752282 SẢN LƯỢNG SẢN CỦA CAM-PU-CHIA VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi sản lượng sản của Cam-pu chia và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2021?

- A. Cam-pu chia tăng nhanh hơn Việt Nam.
- B. Việt Nam tăng nhiều hơn Cam-pu chia.
- C. Việt Nam tăng gấp 15 lần cam-pu chia.
- D. Cam-pu chia tăng chậm hơn Việt Nam.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế?

- A. Cha Lo.
- B. A Đớt.
- C. Nậm Cắn.
- D. Na Mèo.

Câu 56: Ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội là

- A. thúc đẩy chuyên dịch cơ cấu nền kinh tế.
- B. tạo ra việc làm cho người lao động.
- C. tăng thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- D. làm phức tạp thêm vấn đề quản lí xã hội.

Câu 57: Đông Nam Bộ phát triển mạnh cây

- A. lúa gạo.
- B. dứa.
- C. dược liệu.
- D. điều.

Câu 58: Ý nghĩa chủ yếu của ngành nội thương ở nước ta là

- A. tăng lưu thông hàng hóa, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa.
- B. đáp ứng nhu cầu người dân, tạo tập quán tiêu dùng mới.
- C. nâng cao đời sống người dân, tăng tiêu dùng trong nước.
- D. thúc đẩy sản xuất hàng hóa, phân công lao động lãnh thổ.

Câu 59: Hoạt động xây xát hiện nay ở nước ta thường được tiến hành tại

- A. vùng đồng bằng.
- B. thêm lục địa.
- C. các quần đảo.
- D. vùng núi cao.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Cửa Thuận An. B. Cửa Hội. C. Cửa Tùng. D. Cửa Thái Bình.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

0396752282 SỐ LƯỢNG LỢN VÀ SẢN LƯỢNG THỊT LỢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Số lượng lợn (nghìn con)	28864	29110,7	20208,3	22028,1	23533,4
Sản lượng thịt lợn (nghìn tấn)	3907,1	4564,2	4104,5	4036,7	4190,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

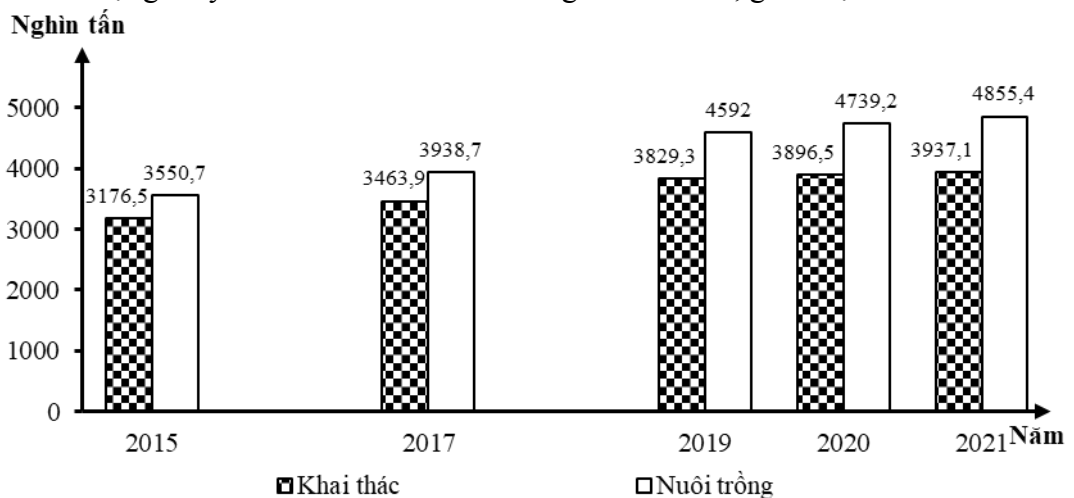
Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng số lượng lợn và sản lượng thịt lợn của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Miền. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 62: Viễn thông nước ta hiện nay không phải là ngành

- A. chỉ tập trung phục vụ kinh doanh. B. có sự tăng trưởng với tốc độ cao.
C. có mạng lưới rộng rãi ở khắp nơi. D. sử dụng nhiều các công nghệ mới.

Câu 63: Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:



0396752282

0396752282 (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng. B. Quy mô và cơ cấu sản lượng.
C. Cơ cấu sản lượng. D. Quy mô sản lượng.

Câu 64: Biện pháp chủ yếu để ứng phó với hạn mặn trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng cường quy hoạch, sử dụng đất hợp lý.
B. đa dạng hóa sản xuất, phát triển chăn nuôi.
C. thúc đẩy nuôi thủy sản, giảm diện tích lúa.
D. thay đổi cơ cấu sản xuất, phát triển thủy lợi.

Câu 65: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết khu dự trữ sinh quyển nào sau đây nằm ở trên đảo?

- A. Cát Tiên. B. Mũi Cà Mau. C. Cù Lao Chàm. D. Tây Nghệ An.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Sóc Trăng. B. Biên Hòa. C. Thủ Dầu Một. D. Cần Thơ.

Câu 67: Ngành đánh bắt hải sản ở nước ta phát triển dựa trên những thuận lợi nào sau đây?

- A. Vùng biển rộng, ấm quanh năm, hệ sinh thái phong phú.
B. Vùng biển rộng, diện tích bãi triều, rừng ngập mặn lớn.
C. Bờ biển dài, có nhiều bãi cát đẹp, vịnh biển, đảo ven bờ.
D. Vùng biển ấm, hải sản phong phú, nhiều ngư trường lớn.

Câu 68: Hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ta hiện nay

- A. phát triển nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
B. đối tượng nuôi trồng quan trọng nhất là tôm.
C. hình thức từ thâm canh sang quảng canh.

- D.** chủ yếu là nuôi trồng thủy sản nước mặn.
- Câu 69:** Biện pháp chủ yếu nhằm giải quyết tình trạng thất nghiệp ở nước ta hiện nay là
- A.** đẩy mạnh liên kết đào tạo và tăng cường xuất khẩu lao động.
B. phát triển các loại hình đào tạo và đa dạng hóa ngành sản xuất.
C. phân bố lại dân cư và kiểm soát việc gia tăng nguồn lao động.
D. thực hiện tốt chính sách dân số và phân bố lại nguồn lao động.
- Câu 70:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Lắk thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?
- A.** Sông Mê Công. **B.** Sông Thu Bồn. **C.** Sông Hồng. **D.** Sông Đồng Nai.
- Câu 71:** Tình trạng cháy rừng ở Tây Nguyên do nguyên nhân tự nhiên chủ yếu nào sau đây?
- A.** Độ cao địa hình, thành phần loài thực vật.
B. Thành phần loài thực vật, đất badan lớn.
C. Độ cao địa hình và khí hậu cận xích đạo.
D. Khí hậu cận xích đạo, thành phần thực vật.
- Câu 72:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết mũi Đại Lãnh thuộc tỉnh nào sau đây?
- A.** Bình Thuận. **B.** Ninh Thuận. **C.** Phú Yên. **D.** Bình Định.
- Câu 73:** Phát biểu nào sau đây đúng về ngành trồng trọt của nước ta hiện nay?
- A.** Cây ăn quả chiếm tỉ trọng giá trị cao nhất.
B. Cơ cấu cây trồng đang có nhiều thay đổi.
C. Chè trồng nhiều nhất ở Bắc Trung Bộ.
D. Cao su trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên.
- Câu 74:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?
- A.** Long Xuyên. **B.** Quy Nhơn. **C.** Biên Hòa. **D.** Nha Trang.
- Câu 75:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào có quy mô nhỏ nhất trong các trung tâm sau đây?
- A.** Quy Nhơn. **B.** Long Xuyên. **C.** Vũng Tàu. **D.** Nha Trang.
- Câu 76:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?
- A.** Cha Lo. **B.** Lao Bảo. **C.** Cầu Treo. **D.** Bờ Y.
- Câu 77:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế ven biển?
- A.** Bình Định. **B.** Đắk Lắk. **C.** Đắk Nông. **D.** Gia Lai.
- Câu 78:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?
- A.** Tây Nguyên. **B.** Nam Trung Bộ. **C.** Nam Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.
- Câu 79:** Tác động chủ yếu của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài đến phát triển công nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A.** hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất ven biển, đẩy nhanh công nghiệp hóa.
B. nâng cấp cơ sở vật chất, thu hút khách du lịch, giải quyết việc làm cho người lao động.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp.
D. phát triển ngành công nghiệp cơ khí và chế biến lâm sản, xây dựng cơ sở năng lượng.
- Câu 80:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết cây điều được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?
- A.** Phú Yên. **B.** Bình Phước. **C.** Ninh Thuận. **D.** Trà Vinh.

ĐÁP ÁN

41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
B	B	B	B	D	B	C	D	A	D	C	D	B	A	B	D	D	D	A	D
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
C	A	D	D	C	A	D	B	B	A	D	C	B	C	B	B	A	A	A	B